PHÒNG GDĐT H. TÂY HÒA **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN ANH HÀO NĂM HỌC: 2023 - 2024**

**MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 8**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **3** | **0** | **5** | | **0** | **0** | | **2** | **0** | |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | 0 | 1\* | 0 | | 1\* | 0 | | 1\* | 0 | | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | | ***15*** | ***0*** | | ***30*** | ***0*** | | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | | **40%** | | | **30%** | | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | | | **40%** | | | | |  |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại của văn bản.  - Nhận biết được phương thức biểu đạt của văn bản.  - Nhận diện được ngôi kể trong truyện cười.  **Thông hiểu**:  - Mục đích mà nội dung truyện đề cập đến.  - Xác định được các yếu tố Hán Việt.  - Nội dung nghĩa hàm ẩn trong truyện  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật qua lời của người kể chuyện.  **Vận dụng:**  - Rút ra được thông điệp/ bài học/ lời khuyên cho bản thân và người khác từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.  **-** Thể hiện được ý kiến, thái độ của bản thân đối với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**C. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1**

**I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm). Đọc văn bản sau:**

MUA KÍNH

Anh nọ dốt đặc cán mai, thấy các ông già bà cả mang kính xem sách, bắt chước ra chợ hỏi mua một đôi. Vào hiệu, bảo chủ hiệu lấy ra cho anh ta chọn. Anh ta đeo kính vào, lấy cuốn lịch đem theo ra xem, xem xong lại bảo chủ hiệu cho chọn đôi khác. Chủ hiệu chiều ý, chọn cho anh ta năm sáu đôi, nhưng đôi nào anh ta cũng không ưng ý. Chủ hiệu bèn chọn một đôi tốt nhất trong hiệu đưa ra. Anh ta đeo vào, lại lấy cuốn lịch ra xem, vẫn lắc đầu chê xấu. Chủ hiệu lấy làm lạ, liếc thấy anh ta cầm cuốn lịch ngược mà xem, sinh nghi, liền hỏi:

– Sao đôi nào ông cũng chê xấu cả?

Anh ta đáp:

– Xấu thì bảo xấu chứ sao! Kính tốt thì tôi đã xem chữ được rồi!

Chủ hiệu nói:

– Hay là ông không biết chữ?

Anh ta đáp:

– Biết chữ thì đã không cần [mua kính](https://truyendangian.com/mua-kinh/)!

(Dẫn theo https://truyendangian.com/mua-kinh)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1. Văn bản “Mua kính” được kể theo ngôi kể nào ?**

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 2. Văn bản trên được viết theo thể loại nào ?**

A. Truyện cười B. Truyện đồng thoại

C. Truyện ngụ ngôn D. Hài kịch

**Câu 3. Trong văn bản, anh chàng mua kính đã tự bộc lộ điều gì về bản thân ?**

A. Thích mua kính B. Bản thân không biết chữ

C. Bị cận thị D. Thích đeo kính để đọc chữ

**Câu 4. Tại sao khi chủ cửa hiệu đổi hết đôi kính này đến đôi kính khác mà anh ta vẫn không đồng ý ?**

A. Vì đôi kính nào giá cũng cao, anh ta không đủ tiền mua

B. Vì không có đôi kính nào đẹp

C. Vì không có đôi kính nào phù hợp với bệnh mắt của anh ta

D. Vì không có đôi nào giúp anh ta đọc được chữ

**Câu 5. Đâu là chi tiết tạo nên kết thúc bất ngờ trong văn bản ?**

A. Anh chàng không mua được đôi kính nào

B. Anh chàng mua hết các đôi kính trong cửa hiệu

C. Anh chàng đeo kính, cầm ngược cuốn lịch mà xem

D. Anh chàng bị chủ tiệm mắng vì không mua kính

**Câu 6. Nhân vật chính trong văn bản trên là ai ?**

A. Ông già B. Anh chàng mua kính

C. Ông chủ cửa hiệu D. Bà già

**Câu 7. Các từ: “kính”, “hiệu” thuộc loại từ nào ?**

A. Từ Hán Việt B. Trợ từ

C. Thán từ D. Từ tượng hình

**Câu 8. Thủ pháp gây cười chủ yếu được sử dụng trong văn bản là gì ?**

A. Ngôn ngữ kể chuyện kết hợp với chơi chữ

B. Lời nhân vật kết hợp với phép tu từ phóng đại

C. Tô đậm mâu thuẫn giữa thật và giả

D. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện với lời nhân vật

**Câu 9. Truyện cười giống và khác với hài kịch như thế nào ?**

**Câu 10. Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về vai trò của tiếng cười đối với cuộc sống. Xác định kiểu đoạn văn em vừa viết.**

**II. VIẾT (4 điểm)**

Bàn về cách sống, có người cho rằng: *cần phải sống hòa đồng*. Có người lại khuyên: *nên sống khác biệt*.

Là học sinh, em nên sống *hòa đồng* hay sống *khác biệt* ? Viết bài văn nghị luận bày tỏ ý kiến của em về vấn đề trên.

----HẾT----​​​

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **1** | C | 0.5 |
| **2** | A | 0.5 |
| **3** | B | 0.5 |
| **4** | D | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | B | 0.5 |
| **7** | A | 0.5 |
| **8** | D | 0.5 |
| **9** | Gợi ý:  - Giống nhau: Cả truyện cười và hài kịch đều có yếu tố trào phúng, (gây cười), dùng tiếng cười để thư giãn, giải trí mua vui hoặc châm biếm đả kích thói hư tật xấu của con người. (0.5 điểm)  - Khác nhau: (0.5 điểm)   |  |  | | --- | --- | | Truyện cười | Hài kịch | | + Có ngôn ngữ người kể chuyện.  + Thuộc phương thức tự sự.  + Truyện cười nói riêng và truyện nói chung thường dùng để đọc, kể. | + Chỉ có ngôn ngữ nhân vật và lời chỉ dẫn sân khấu.  + Thuộc phương thức kịch.  + Hài kịch nói riêng và kịch nói chung thường dùng để diễn trên sân khấu. | | 1.0 |
| **10** | \*HS viết đoạn văn nói về vai trò của tiếng cười, xác định được kiểu đoạn văn đã viết (diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp).  Gợi ý:  - Tiếng cười đem lại niềm vui, sự lạc quan, giải tỏa căng thẳng, áp lực trong cuộc sống…  - Tiếng cười châm biếm đả kích thói hư tật xấu của con người, để làm cho con người tốt đẹp hơn…  - Cần lưu ý không nên dùng tiếng cười khinh bỉ, chế nhạo nhược điểm, nỗi đau của người khác…  \*Trường hợp HS viết nhưng không xác định hoặc xác định không đúng kiểu đoạn văn thì chỉ đạt 0.5 điểm. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống, có Mở bài, Thân bài, Kết bài. Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp.* | 0.25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*. *Bài viết trình bày được ý kiến quan điểm của bản thân về cách sống, có lập luận chặt chẽ, lí lẽ, bằng chứng xác đáng, thuyết phục*. | 0.25 |
| *HS viết bài theo yêu cầu của đề. Dưới đây là một số gợi ý:*  **- Mở bài:** Dẫn dắt, nêu vấn đề về cách sống.  **- Thân bài:** Nêu ý kiến, phân tích đánh giá làm rõ vấn đề  + Giải thích:  Hòa đồng là khái niệm để chỉ khả năng tham gia và hòa nhập một cách nhanh chóng, không có sự phân biệt, xa lánh và khoảng cách với mọi người xung quanh.  Khác biệt nghĩa là khác nhau, có những nét riêng làm cho có thể phân biệt với nhau...  + Vì sao cần sống hòa đồng ?  + Vì sao nên sống khác biệt ?  + Cần phân biệt sống khác biệt với sống tách biệt.  + Cần biết sống hòa đồng và dám sống khác biệt.  **- Kết bài:**  Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. | 2.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.5 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0.5 |

**GIÁO VIÊN RA ĐỀ**

**Ngô Ngọc Sĩ**